

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/ST-KDTM
Ngày: 15.9.2022
V/v: *tranh chấp hợp đồng tín dụng*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phương T***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Như H**

2. Ông **Đào Văn H**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà **Dương V- Kiểm sát viên**

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2022 về “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại M

Trụ sở: Số 1* Lê XX, quận C, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đ – Chủ tịch hội đồng quản trị;

Địa chỉ gửi thư, tổng đạt: Tầng 6 toà nhà XX, số 3 XX, phường XX, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị T; chứng minh nhân dân số 16438**** do Công an tỉnh N cấp ngày 20.4.2013; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; số điện thoại liên hệ: 091430****. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần SS; Đăng ký kinh doanh số: 010028****-006.

Trụ sở: Số ** Hoàng XX, phường M, quận T, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi N; Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần SS; Xin vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Vườn quốc gia H; Địa chỉ trụ sở: XXX, xã H, huyện T, tỉnh M; mã số thuế: 200050****; điện thoại: 0290391****. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Chi cục kiểm lâm B; Địa chỉ: số 3 đường X, thành phố B, tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện S, nay là Ban quản lý dự án – Quỹ đất huyện S; địa chỉ: thị trấn P, huyện S, tỉnh Q; mã số thuế: 400051****; mã số đơn vị có quan hệ với Ngân sách: 10*****. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.4. Công ty cổ phần XX; Địa chỉ: thôn N, xã K, huyện V, thành phố Đ. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.5. Vườn quốc gia T; Địa chỉ trụ sở: xã A, huyện T, tỉnh G. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Ngày 01 tháng 3 năm 2022 Ngân hàng thương mại M (XX) có đơn khởi kiện vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty cổ phần SS. Ngày 15.7.2022, Ngân hàng đã có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện. Đến nay, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng như sau:

1. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư XXX H thanh toán cho Ngân hàng XX theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 44373.1*.068.208****.TD ngày 10/12/201*, các khế ước nhận nợ và các thỏa thuận bổ sung khác (nếu có) số tiền tạm tính đến hết ngày 22/7/2022 là: **36.868.608.703 đồng**, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 24.076.782.359 đồng, nợ lãi: 12.791.82XX44 đồng.

2. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư XXX H thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận Hợp đồng cấp tín dụng số: 44373.1*.068.208****.TD ngày 10/12/201*, các khế ước nhận nợ và các thỏa

thuận bổ sung khác (nếu có), thẻ tín dụng đã ký kể từ ngày 22/03/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần đầu tư XXX H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng XX có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng XX, tài sản bảo đảm là:

- Xe tải tự đổ biển số 29C-7****;
- Xe ô tô nhãn hiệu Nissan biển số 29C-7****;

- Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) của bên thế chấp từ việc thực hiện Gói thầu số 24: “Xây dựng 02 cống điều tiết nước kênh KT2 (Bờ phải và bờ trái); nâng cấp tuyến đường từ Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia đến H” thuộc dự án: “Bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia T đến năm 2020” theo Hợp đồng thi công xây dựng số 24BT/201*/HĐ-XDVQG ngày 19/09/201*;

- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 21: “Xây dựng trụ sở Vườn Quốc gia H; Nhà hội trường; trung tâm giáo dục môi trường kết hợp nhà khách; Nhà ở tạm trú; Nhà ăn; xây dựng trụ sở hạt kiểm lâm; nhà bảo tàng động thực vật; nhà và sân luyện tập; trung tâm cứu hộ động vật hoang dã; chòi quan sát; Trung tâm giáo dục môi trường; hàng rào; giao thông nội bộ” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia H” theo hợp đồng thi công xây dựng số 21/2017/HĐ-XD ngày 08/09/2017;

- Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại từ việc thực hiện thi công dự án thủy lợi đa mục tiêu khắc phục thiên tai ngập úng vùng sản xuất màu 3 xã huyện S theo Hợp đồng thi công xây dựng số công trình 01/2017/HĐXD-BQL ngày 17/02/2017;

- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 20: “Đường trục chính; cống hộp, bến cầu tàu, san lấp mặt bằng, kè kênh, kè hồ, bể nước dự trữ, hồ cảnh quan; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống điện ngoài nhà; hệ thống điện ba pha

250KVA” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia H” theo hợp đồng thi công xây dựng số 89/2016/HĐ-XD ngày 08/11/2016;

- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 02: Xây dựng đường lâm nghiệp thuộc dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh B theo hợp đồng thi công xây dựng số 86/2016/HĐ-XL ngày 21/09/2016

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần đầu tư XXX H đối với Ngân hàng XX. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Cổ phần đầu tư XXX H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng XX.

**** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn thống nhất nội dung vụ án như sau:***

Ngân hàng TMCP Z- Chi nhánh L và Công ty cổ phần SS đã cùng ký kết Hợp đồng tín dụng số 44373.1*.068.208****.TD ngày 10.12.201*; phụ lục hợp đồng cùng các khế ước nhận nợ như sau:

| Khế ước | Ngày nhận nợ | Lãi suất | Ngày đáo hạn | Số tiền giải ngân (đồng) |
|----------------|---------------------|-----------------|---------------------|---------------------------------|
| LD1*34435105 | 10/12/201* | 8 | 10/08/2019 | 2.284.163.200 |
| LD1*34445206 | 10/12/201* | 8 | 10/08/2019 | 1.994.538.006 |
| LD1*34445913 | 10/12/201* | 8 | 10/08/2019 | 1.149.698.000 |
| LD1*34458837 | 10/12/201* | 8 | 10/08/2019 | 600.000.000 |
| LD1*3**33938 | 13/12/201* | 8 | 13/08/2019 | 943.383.000 |
| LD1*3**40876 | 13/12/201* | 8 | 13/08/2019 | 119.717.830 |
| LD1*3**54830 | 13/12/201* | 8 | 13/08/2019 | 308.721.800 |
| LD1*34803619 | 14/12/201* | 8 | 14/08/2019 | 1.072.769.925 |
| LD1*35282344 | 1*/12/201* | 8 | 19/08/2019 | 423.750.000 |
| LD1*35524417 | 21/12/201* | 8 | 21/08/2019 | 234.000.000 |
| LD1900440751 | 4/1/2019 | 8 | 4/9/2019 | 486.845.000 |
| LD1900490544 | 4/1/2019 | 8 | 4/9/2019 | 1.**0.866.280 |
| LD1900920000 | 9/1/2019 | 8 | 9/9/2019 | 544.562.100 |
| LD1900948957 | 9/1/2019 | 8 | 9/9/2019 | 176.000.000 |

| | | | | |
|--------------|------------|---|------------|---------------|
| LD1900972460 | 9/1/2019 | 8 | 9/9/2019 | 327.715.191 |
| LD1901573177 | 15/01/2019 | 8 | 16/09/2019 | 275.195.000 |
| LD1902570448 | 25/01/2019 | 8 | 25/09/2019 | 800.000.000 |
| LD1902858351 | 28/01/2019 | 8 | 28/09/2019 | 460.000.000 |
| LD1902863800 | 28/01/2019 | 8 | 28/09/2019 | 277.613.565 |
| LD1*35529542 | 21/12/201* | 8 | 21/08/2019 | 710.779.000 |
| LD1901731*61 | 17/01/2019 | 8 | 17/09/2019 | 688.900.000 |
| LD1910604063 | 16/04/2019 | 8 | 16/12/2019 | 500.000.000 |
| LD1913012868 | 10/5/2019 | 8 | 10/1/2020 | 1.290.379.420 |
| LD1913019103 | 10/5/2019 | 8 | 10/1/2020 | 800.000.000 |
| LD1913597041 | 15/05/2019 | 8 | 15/01/2020 | 612.984.009 |
| LD1914093841 | 20/05/2019 | 8 | 20/01/2020 | 384.374.541 |
| LD1914098131 | 20/05/2019 | 8 | 20/01/2020 | 284.608.000 |
| LD1915101194 | 31/05/2019 | 8 | 31/01/2020 | 800.000.000 |
| LD1915102094 | 31/05/2019 | 8 | 31/01/2020 | 254.693.000 |
| LD1915122995 | 31/05/2019 | 8 | 31/01/2020 | 399.550.000 |
| LD1915**6541 | 3/6/2019 | 8 | 3/2/2020 | 450.000.000 |
| LD1916116300 | 10/6/2019 | 8 | 10/2/2020 | 659.589.815 |
| LD1916322002 | 12/6/2019 | 8 | 12/2/2020 | 150.000.000 |
| LD1916394001 | 12/6/2019 | 8 | 12/2/2020 | 348.300.000 |
| LD1916890261 | 17/06/2019 | 8 | 17/02/2020 | 880.000.000 |
| LD191*242207 | 1/7/2019 | 8 | 2/3/2020 | 1.000.000.000 |
| LD191*361263 | 2/7/2019 | 8 | 2/3/2020 | 81.040.000 |
| LD191*562989 | 4/7/2019 | 8 | 4/3/2020 | 1.206.176.237 |
| LD1920693145 | 25/07/2019 | 8 | 25/03/2020 | 919.353.400 |
| LD1921420858 | 2/8/2019 | 8 | 2/4/2020 | 275.078.722 |
| LD1*34870030 | 14/12/201* | 8 | 14/08/2019 | 83.723.000 |
| LD1*35310501 | 19/12/201* | 8 | 19/08/2019 | 200.000.000 |
| LD1*35375590 | 19/12/201* | 8 | 19/08/2019 | 253.000.000 |
| LD1*355****4 | 21/12/201* | 8 | 21/08/2019 | 722.299.000 |
| LD1900415917 | 4/1/2019 | 8 | 4/9/2019 | 1.374.636.012 |
| LD1901197321 | 11/1/2019 | 8 | 11/9/2019 | 829.948.650 |
| LD1901622700 | 16/01/2019 | 8 | 16/09/2019 | 100.800.000 |

| | | | | |
|--------------|------------|-----|------------|-----------------------|
| LD190250**99 | 25/01/2019 | 8 | 25/09/2019 | 49.665.000 |
| LD1902506441 | 25/01/2019 | 8 | 25/09/2019 | 1.043.578.800 |
| LD1913044570 | 10/05/2019 | 8 | 10/01/2020 | 1.020.000.000 |
| LD1913051961 | 10/05/2019 | 8 | 10/01/2020 | 700.000.000 |
| LD1913714823 | 17/05/2019 | 8 | 17/01/2020 | 316.613.944 |
| LD191434***6 | 23/05/2019 | 8 | 23/01/2020 | 97.500.000 |
| LD1915700095 | 6/6/2019 | 8 | 6/2/2020 | 170.000.000 |
| LD1916228946 | 11/6/2019 | 8 | 11/2/2020 | 758.000.000 |
| LD1916565533 | 14/06/2019 | 8 | 14/02/2020 | 1.000.000.000 |
| LD1921090812 | 29/07/2019 | 8 | 19/03/2020 | 868.000.000 |
| LD1921*95041 | 06/08/2019 | 8 | 06/04/2020 | 1.800.000.000 |
| LD1*00811334 | 07/01/201* | 9.5 | 08/01/2021 | 2.020.000.000 |
| LD1901190120 | 11/1/2019 | 8 | 11/9/2019 | 48.300.000 |
| Tổng | | | | 40.101.409.4** |

2. Tài sản bảo đảm:

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng của Công ty cổ phần SS nêu tại Mục 1 nêu trên là:

- Xe ô tô Prado biển số 30F – 0****;
- Xe ô tô Toyota biển số 30E-**7.82;
- Xe tải tự đổ biển số 29C-7****;
- Xe ô tô con biển số 43A-3****;
- Xe ô tô nhãn hiệu Nissan biển số 29C-7****;
- Xe ô tô nhãn hiệu Nissan biển số 7****;
- Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) của bên thế chấp từ việc thực hiện Gói thầu số 24: “Xây dựng 02 cống điều tiết nước kênh KT2 (Bờ phải và bờ trái); nâng cấp tuyến đường từ Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia đến H” thuộc dự án: “Bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia T đến năm 2020” theo Hợp đồng thi công xây dựng số 24BT/201*/HĐ-XDVQG ngày 19/09/201*;
- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 21: “Xây dựng trụ sở Vườn Quốc gia H; Nhà hội trường; trung tâm giáo dục môi trường kết hợp nhà khách;

Nhà ở tạm trú; Nhà ăn; xây dựng trụ sở hạt kiểm lâm; nhà bảo tàng động thực vật; nhà và sân luyện tập; trung tâm cứu hộ động vật hoang dã; chòi quan sát; Trung tâm giáo dục môi trường; hàng rào; giao thông nội bộ” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia H” theo hợp đồng thi công xây dựng số 21/2017/HĐ-XD ngày 08/09/2017;

- Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại từ việc thực hiện thi công dự án thủy lợi đa mục tiêu khắc phục thiên tai ngập úng vùng sản xuất màu 3 xã huyện S theo Hợp đồng thi công xây dựng số công trình 01/2017/HĐXD-BQL ngày 17/02/2017;

- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 20: “Đường trục chính; cống hộp, bến cầu tàu, san lấp mặt bằng, kè kênh, kè hồ, bể nước dự trữ, hồ cảnh quan; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống điện ngoài nhà; hệ thống điện ba pha 250KVA” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia H” theo hợp đồng thi công xây dựng số 89/2016/HĐ-XD ngày 08/11/2016;

- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 02: Xây dựng đường lâm nghiệp thuộc dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh B theo hợp đồng thi công xây dựng số 86/2016/HĐ-XL ngày 21/09/2016

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng XX, do làm ăn khó khăn, Công ty cổ phần SS đã không thể trả nợ đúng hạn trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Z. Dư nợ tạm tính của Công ty cổ phần SS theo các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ tạm tính đến ngày tại Ngân hàng XX là tạm tính đến hết ngày 21/03/2022 là: 38.21*.355.024 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 26.80XX09.684 đồng, nợ lãi: 11.412.045.340 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện S vắng mặt, gửi văn bản trình bày:

Do nhu cầu cấp thiết về khắc phục tình hình mưa lũ, thiên tai trên địa bàn huyện và được sự chấp thuận chủ trương của UBND tỉnh Q về việc đầu tư xây dựng công trình: Dự án thủy lợi đa mục tiêu khắc phục thiên tai ngập úng

vùng sản xuất màu 3 xã ở huyện S. Ban Quản lý dự án -Quỹ đất được UBND huyện S giao làm đại diện chủ đầu tư để thực hiện dự án và đã ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017 / HDXD-BQL giữa Ban Quản lý dự án - Quỹ đất huyện S và Liên danh Công ty TNHH N- Công ty Cổ phần XX - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng XX, với tổng giá trị là 98.846.056.000 đồng (Chín mươi tám tỷ đồng, tám trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm năm mươi sáu ngàn đồng). Trong đó, Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng XX thực hiện khối lượng 30% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là 29.653.817.000 đồng (Hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm mười bảy nghìn đồng). Trong quá trình thực hiện Ban quản lý dự án - Quỹ đất huyện S tiếp tục ký lục Phụ hợp đồng với Đơn vị thi công để điều chỉnh, bổ sung hợp đồng giá trị tại các Phụ lục: số 01 ngày 26/10/2017, số 02 ngày 02/3/201*, số 03 ngày 16/1/2019, số 04 ngày 10/5/2019, số 05 ngày 02/7/2019, số 06 ngày 26/8/2020, số 07 ngày 24/11/2020, số 08 ngày 02/12/2020, giá trị điều chỉnh hợp đồng là 100.245.143.000 đồng (Một trăm tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm bốn ba nghìn đồng). Trong đó, giá trị hợp đồng mà Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng XX thực hiện là 30.416.602.000 (Ba mươi tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, sáu trăm linh hai nghìn đồng).

Ban Quản lý dự án - Quỹ đất huyện S (đại diện chủ đầu tư) đã thực hiện việc nghiệm thu, thanh toán theo từng đợt tương ứng với khối lượng mà nhà thầu đã hoàn thành. Theo đó, đối với công việc mà Công ty Cổ phần SS thực hiện, Chủ đầu tư đã thực hiện việc nghiệm thu, thanh toán theo từng đợt, cụ thể như sau:

Giá trị hợp đồng: 30.416.602.000 đồng.

Khối lượng nghiệm thu đến nay: 27.809.395.000 đồng

Tổng giải ngân đến nay: 27.374.942.000 đồng

Giá trị còn lại chưa thanh toán: 434.453.000 đồng.

Đối với yêu cầu của đơn nguyên trong vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, với tư cách là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ban

quản lý dự án - Quỹ đất huyện S có ý kiến như sau: Theo Điều 8, Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán hợp đồng số 01/2017 / HĐXD-BQL giữa hai bên đã ký kết, tổng số tiền thanh toán đến nay đạt 90% giá trị hợp đồng. Hiện nay, do một số nguyên nhân đến từ nhà thầu là công ty cổ phần đầu tư và xây dựng XX không tiếp tục thực hiện hoàn thành Dự án thủy lợi đa mục tiêu khắc phục thiên tai ngập úng vùng sản xuất màu 3 xã ở huyện S và đã tạm dừng thi công (tương ứng với 10% khối lượng công việc còn lại theo hợp đồng đã ký). Do đó, Ban quản lý dự án – Quỹ đất huyện S không tiếp tục thanh toán cho Công ty cổ phần SS cho đến khi dự án được phê duyệt quyết toán hoàn thành.

Về yêu cầu của đơn nguyên là Ngân hàng Thương mại M đối với toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/thanh toán, thì Ban quản lý dự án - Quỹ đất huyện S khẳng định không có bất kỳ khoản nợ nào chưa thanh toán đối với phần khối lượng công việc mà Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng XX đã thực hiện. Còn phần khối lượng công việc còn lại chưa thực hiện, Ban Quản lý dự án- quỹ đất huyện S sẽ căn cứ nội dung trong Hợp đồng số 01/2017 / HĐXD- BQL ngày 17/2/2017 đã giao kết để thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Ban Quản lý dự án - Quỹ đất huyện S phúc đáp cho Tòa án nhân dân quận T biết và chịu trách nhiệm chính về số liệu, hồ sơ đã nêu trên là sự thật./.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vườn Quốc gia H vắng mặt, có văn bản trình bày ý kiến:

Vườn quốc gia H đã được nhận Thông báo số 1*/2022/TB-TLVA ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H về việc thụ lý vụ án. Về vấn đề này, Vườn quốc gia H có ý kiến như sau: Vườn quốc gia H có ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng XX về công việc thi công gói thầu số 20: Đường trục chính; cống hộp; bến cầu tàu; san lấp mặt bằng; kè kênh, kè hồ; bể nước dự trữ, hồ cảnh quan; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống điện ngoài nhà; hệ thống điện 03 pha 250KVA theo hợp đồng thi công số 89/2016/HĐ-XD ngày 08/11/2016; gói thầu số 21: Xây dựng trụ sở Vườn quốc gia H; nhà hội trường; trung tâm giáo dục môi trường kết hợp nhà khách; nhà ở

tạm trú; nhà ăn; xây dựng trụ sở Hạt Kiểm lâm; nhà bảo tàng động thực vật; nhà và sân luyện tập; trung tâm cứu hộ động vật hoang dã; chòi quan sát; trung tâm giáo dục môi trường; hàng rào; giao thông nội bộ theo hợp đồng số 21/2017/HĐ-XD ngày 08/09/2017 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu trụ sở hành chính Vườn quốc gia H. Hiện nay, tất cả các hạng mục công trình đã hoàn thành, được nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 30/12/2020. Đến nay giữa Vườn quốc gia H và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng XX không còn nghĩa vụ với nhau về mặt tài chính của 02 hợp đồng nêu trên.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án nhân dân quận T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Đề nghị Tòa án buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng XX thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại M (XX) nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 44373.1*.068.208****.TD ngày 10.12.201*; phụ lục hợp đồng số 44373.1*.068.208****.TD.PL ngày 31.5.2019 và các Khế ước nhận nợ, với tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15.9.2022 là: 37.098.328.615 đồng; trong đó nợ gốc: 24.076.782.359 đồng và nợ lãi trong hạn: 1.258.504.425 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 11.763.041.831 đồng; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng XX còn phải chịu lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 44373.1*.068.208****.TD ngày 10.12.201*; phụ lục hợp đồng số 44373.1*.068.208****.TD.PL ngày 31.5.2019 và các Khế ước nhận nợ cho đến khi thi hành án xong; trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng XX vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại M (XX) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là:

- Xe tải tự đổ biển số 29C-7****

- Xe ô tô nhãn hiệu Nissan biển số 29C-7****;

- Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) của bên thế chấp từ việc thực hiện Gói thầu số 24: “Xây dựng 02 cống điều tiết nước kênh KT2 (Bờ phải và bờ trái); nâng cấp tuyến đường từ Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia đến H” thuộc dự

án: “Bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia T đến năm 2020” theo Hợp đồng thi công xây dựng số 24BT/201*/HĐ-XDVQG ngày 19/09/201*;

- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 02: Xây dựng đường lâm nghiệp thuộc dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh B theo hợp đồng thi công xây dựng số 86/2016/HĐ-XL ngày 21/09/2016

Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là:

- Xe ô tô Prado biển số 30F – 0****;
- Xe ô tô Toyota biển số 30E-**7.82;
- Xe ô tô con biển số 43A-3****;
- Xe ô tô nhãn hiệu Nissan biển số 7****;

- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 21: “Xây dựng trụ sở Vườn Quốc gia H; Nhà hội trường; trung tâm giáo dục môi trường kết hợp nhà khách; Nhà ở tạm trú; Nhà ăn; xây dựng trụ sở hạt kiểm lâm; nhà bảo tàng động thực vật; nhà và sân luyện tập; trung tâm cứu hộ động vật hoang dã; chòi quan sát; Trung tâm giáo dục môi trường; hàng rào; giao thông nội bộ” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia H” theo hợp đồng thi công xây dựng số 21/2017/HĐ-XD ngày 08/09/2017;

- Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại từ việc thực hiện thi công dự án thủy lợi đa mục tiêu khắc phục thiên tai ngập úng vùng sản xuất màu 3 xã huyện S theo Hợp đồng thi công xây dựng số công trình 01/2017/HĐXD-BQL ngày 17/02/2017;

- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 20: “Đường trục chính; cống hộp, bến cầu tàu, san lấp mặt bằng, kè kênh, kè hồ, bể nước dự trữ, hồ cảnh quan; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống điện ngoài nhà; hệ thống điện ba pha 250KVA” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia H” theo hợp đồng thi công xây dựng số 89/2016/HĐ-XD ngày 08/11/2016;

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng XX có đơn xin xét xử vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Vườn quốc gia H; Ban quản lý dự án – Quỹ đất huyện S xin vắng mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Vườn quốc gia T, Chi cục kiểm lâm B, Công ty cổ phần XX đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn chuẩn bị xét xử; Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số **44373.1*.068.208****.TD ngày 10/12/201***, **các khế ước nhận nợ**, Các Hợp đồng thế chấp tài sản, Điều 92, 95, 244 BLTTDS, Điều 299, 408, 463, 466, BLDS, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND tối cao, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 2 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 163 /2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch đảm bảo, Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN, Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án, Nghị quyết 326/30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Z đối với CTCP SS.

- Buộc CTCP SS phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Z số tiền nợ gốc còn lại là **24.076.782.359 đồng** và các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận trong **Hợp đồng tín dụng số 44373.1*.068.208****.TD ngày 10/12/201*** và các khế ước nhận nợ tính đến ngày xét xử .

Trường hợp CTCP SS không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Z có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là:

Toàn bộ quyền sở hữu Xe ô tô TMT, BKS 29C-7***** theo GCN đăng ký xe ô tô số 36***** do Công an thành phố H cấp ngày 11/2/2017 cho CTCP SS, đăng ký lần đầu ngày 1*/10/2016 và Toàn bộ quyền sở hữu Xe ô tô nhãn hiệu Nissan BKS 29C-7***** theo GCN đăng ký xe ô tô số 25***** do Công an thành phố H cấp ngày 02/12/2016 cho CTCP SS.

Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) của bên thế chấp từ việc thực hiện Gói thầu số 24: “Xây dựng 02 công điều tiết nước kênh KT2 (Bờ phải và bờ trái); nâng cấp tuyến đường từ Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia đến H” thuộc dự án: “Bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia T đến năm 2020” theo Hợp đồng thi công xây dựng số 24BT/201*/HĐ-XDVQG ngày 19/09/201*. Theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 232898.1*.068.208****.BD ngày 25/9/201*.

Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 02: Xây dựng đường lâm nghiệp thuộc dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh B theo hợp đồng thi công xây dựng số 86/2016/HĐ-XL ngày 21/09/2016. Theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 76283.16.068.208****.BD ngày 10/10/2016.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì CTCP SS vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Z cho đến khi khoản nợ được tất toán.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Z đối với yêu cầu xử lý các tài sản đảm bảo sau:

+ Xe ô tô Prado biển số 30F-0*****

+ Xe ô tô Toyota biển số 30E-**7.82

+ Xe ô tô con biển số 43A-3*****

+ Xe ô tô nhãn hiệu Nissan biển số 7*****

+ Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 21: “Xây dựng trụ sở Vườn Quốc gia H; Nhà hội trường; trung tâm giáo dục môi trường kết hợp nhà khách; Nhà ở tạm trú; Nhà ăn; xây dựng trụ sở hạt kiểm lâm; nhà bảo tàng động thực vật; nhà và sân luyện tập; trung tâm cứu hộ động vật hoang dã; chòi quan sát; Trung tâm giáo dục môi trường; hàng rào; giao thông nội bộ” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia H” theo hợp đồng thi công xây dựng số 21/2017/HĐ-XD ngày 08/09/2017. Theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 191677.17.068.208****.BD ngày 11/9/2017;

+ Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 20: “Đường trục chính; cống hộp, bến cầu tàu, san lấp mặt bằng, kè kênh, kè hồ, bể nước dự trữ, hồ cảnh quan; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống điện ngoài nhà; hệ thống điện ba pha 250KVA” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia H” theo hợp đồng thi công xây dựng số 89/2016/HĐ-XD ngày 08/11/2016. Theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 84052.16.054.2563814.BD ngày 09/11/2016;

+ Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại từ việc thực hiện thi công dự án thủy lợi đa mục tiêu khắc phục thiên tai ngập úng vùng sản xuất màu 3 xã huyện S theo Hợp đồng thi công xây dựng số công trình 01/2017/HĐXD-BQL ngày 17/02/2017. Theo Hợp đồng thế

chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 93835.17.068.208****.BD
ngày 13/4/2017.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng XX xin vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Vườn quốc gia T, Chi cục kiểm lâm B, Công ty cổ phần XX đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Vườn quốc gia H; Ban quản lý dự án – Quỹ đất huyện S xin xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về tính pháp lý của hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Ngày 10.12.201*, Ngân hàng thương mại M (XX) và Công ty cổ phần SS đã ký hợp đồng cấp tín dụng số 44373.1*.068.208****.TD với nội dung cụ thể như sau:

- Giá trị hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);

- Hạn mức cho vay: 30.000.000.000 tỷ đồng (ba mươi tỷ đồng)

- Hạn mức bảo lãnh (bao gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành): 120.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỉ đồng).

- Dư nợ, bảo lãnh thanh toán tại mọi thời điểm tối đa 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỉ đồng).

- Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 5.000.000.000 đồng (năm tỉ đồng).

- Giá trị hạn mức tín dụng trên đây đã bao gồm toàn bộ dư hạn mức tín dụng của khách hàng theo hợp đồng cấp tín dụng số 28802.17.068.208****.TD ký ngày 30.11.2017 giữa XX và khách hàng.

Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày ký hợp đồng này đến ngày 03.12.2019.

Ngoài ra, còn có các thỏa thuận về điều kiện cấp tín dụng, lãi suất cấp tín dụng, kỳ tính lãi, tính toán và thanh toán lãi, cho vay theo hạn mức, cấp bảo lãnh, quản lý nguồn trả nợ, biện pháp bảo đảm, thỏa thuận khác.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, Ngân hàng thương mại M (XX) và Công ty cổ phần SS đã ký phụ lục hợp đồng cấp tín dụng về việc sửa đổi, bổ sung chi tiết các điều khoản của Hợp đồng cấp tín dụng số 44373.1*.068.208****.TD ký ngày 10.12.201* số 44373.1*.068.208****.TD.PL với nội dung cụ thể như sau:

“2.1. Giá trị hạn mức tín dụng:

2.1.1. HMTD1: 80.000.000.000 VND (bằng chữ: tám mươi tỷ đồng).

Trong đó:

- Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 tỷ đồng (bằng chữ: hai mươi tỷ đồng)

- Hạn mức bảo lãnh (bao gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành): 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỉ đồng).

- Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 2.500.000.000 VND (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

- Tại mọi thời điểm, dự nợ và dư bảo lãnh thanh toán của khách hàng tối đa 20.000.000.000 VND (hai mươi tỷ đồng).

Giá trị HMTD trên đây đã bao gồm toàn bộ dư HMTD của khách hàng theo hợp đồng cấp tín dụng số 28802.17.068.208****.TD ký ngày 30/11/2017 giữa XX và khách hàng.

2.1.2. HMTD2: 160.000.000.000 VND (bằng chữ: một trăm sáu mươi tỷ đồng).

- Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 VND (bằng chữ: bốn mươi tỷ đồng)

- Hạn mức bảo lãnh (bao gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành): 120.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỉ đồng).

- Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 5.000.000.000 đồng (năm tỉ đồng).

Tại mọi thời điểm, dư nợ và dư bảo lãnh thanh toán của khách hàng tối đa 40.000.000.000 đồng (bằng chữ: bốn mươi tỉ đồng).

- Giá trị hạn mức tín dụng trên đây đã bao gồm toàn bộ dư hạn mức tín dụng của khách hàng theo hợp đồng cấp tín dụng số 28802.17.068.208****.TD kí ngày 30.11.2017 giữa XX và khách hàng.

Ngoài ra còn có một số thỏa thuận khác.

Thực hiện hợp đồng, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện nhiều lần giải ngân thông qua Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ như sau:

| Khế ước | Ngày nhận nợ | Lãi suất | Ngày đáo hạn | Số tiền giải ngân (đồng) |
|----------------|---------------------|-----------------|---------------------|---------------------------------|
| LD1*34435105 | 10/12/201* | 8 | 10/08/2019 | 2.284.163.200 |
| LD1*34445206 | 10/12/201* | 8 | 10/08/2019 | 1.994.538.006 |
| LD1*34445913 | 10/12/201* | 8 | 10/08/2019 | 1.149.698.000 |
| LD1*34458837 | 10/12/201* | 8 | 10/08/2019 | 600.000.000 |
| LD1*3**33938 | 13/12/201* | 8 | 13/08/2019 | 943.383.000 |
| LD1*3**40876 | 13/12/201* | 8 | 13/08/2019 | 119.717.830 |
| LD1*3**54830 | 13/12/201* | 8 | 13/08/2019 | 308.721.800 |
| LD1*34803619 | 14/12/201* | 8 | 14/08/2019 | 1.072.769.925 |
| LD1*35282344 | 1*/12/201* | 8 | 19/08/2019 | 423.750.000 |
| LD1*35524417 | 21/12/201* | 8 | 21/08/2019 | 234.000.000 |
| LD1900440751 | 4/1/2019 | 8 | 4/9/2019 | 486.845.000 |
| LD1900490544 | 4/1/2019 | 8 | 4/9/2019 | 1.**0.866.280 |
| LD1900920000 | 9/1/2019 | 8 | 9/9/2019 | 544.562.100 |
| LD1900948957 | 9/1/2019 | 8 | 9/9/2019 | 176.000.000 |
| LD1900972460 | 9/1/2019 | 8 | 9/9/2019 | 327.715.191 |
| LD1901573177 | 15/01/2019 | 8 | 16/09/2019 | 275.195.000 |
| LD1902570448 | 25/01/2019 | 8 | 25/09/2019 | 800.000.000 |
| LD1902858351 | 28/01/2019 | 8 | 28/09/2019 | 460.000.000 |

| | | | | |
|--------------|------------|---|------------|---------------|
| LD1902863800 | 28/01/2019 | 8 | 28/09/2019 | 277.613.565 |
| LD1*35529542 | 21/12/201* | 8 | 21/08/2019 | 710.779.000 |
| LD1901731*61 | 17/01/2019 | 8 | 17/09/2019 | 688.900.000 |
| LD1910604063 | 16/04/2019 | 8 | 16/12/2019 | 500.000.000 |
| LD1913012868 | 10/5/2019 | 8 | 10/1/2020 | 1.290.379.420 |
| LD1913019103 | 10/5/2019 | 8 | 10/1/2020 | 800.000.000 |
| LD1913597041 | 15/05/2019 | 8 | 15/01/2020 | 612.984.009 |
| LD1914093841 | 20/05/2019 | 8 | 20/01/2020 | 384.374.541 |
| LD1914098131 | 20/05/2019 | 8 | 20/01/2020 | 284.608.000 |
| LD1915101194 | 31/05/2019 | 8 | 31/01/2020 | 800.000.000 |
| LD1915102094 | 31/05/2019 | 8 | 31/01/2020 | 254.693.000 |
| LD1915122995 | 31/05/2019 | 8 | 31/01/2020 | 399.550.000 |
| LD1915**6541 | 3/6/2019 | 8 | 3/2/2020 | 450.000.000 |
| LD1916116300 | 10/6/2019 | 8 | 10/2/2020 | 659.589.815 |
| LD1916322002 | 12/6/2019 | 8 | 12/2/2020 | 150.000.000 |
| LD1916394001 | 12/6/2019 | 8 | 12/2/2020 | 348.300.000 |
| LD1916890261 | 17/06/2019 | 8 | 17/02/2020 | 880.000.000 |
| LD191*242207 | 1/7/2019 | 8 | 2/3/2020 | 1.000.000.000 |
| LD191*361263 | 2/7/2019 | 8 | 2/3/2020 | 81.040.000 |
| LD191*562989 | 4/7/2019 | 8 | 4/3/2020 | 1.206.176.237 |
| LD1920693145 | 25/07/2019 | 8 | 25/03/2020 | 919.353.400 |
| LD1921420858 | 2/8/2019 | 8 | 2/4/2020 | 275.078.722 |
| LD1*34870030 | 14/12/201* | 8 | 14/08/2019 | 83.723.000 |
| LD1*35310501 | 19/12/201* | 8 | 19/08/2019 | 200.000.000 |
| LD1*35375590 | 19/12/201* | 8 | 19/08/2019 | 253.000.000 |
| LD1*355****4 | 21/12/201* | 8 | 21/08/2019 | 722.299.000 |
| LD1900415917 | 4/1/2019 | 8 | 4/9/2019 | 1.374.636.012 |
| LD1901197321 | 11/1/2019 | 8 | 11/9/2019 | 829.948.650 |
| LD1901622700 | 16/01/2019 | 8 | 16/09/2019 | 100.800.000 |
| LD190250**99 | 25/01/2019 | 8 | 25/09/2019 | 49.665.000 |
| LD1902506441 | 25/01/2019 | 8 | 25/09/2019 | 1.043.578.800 |
| LD1913044570 | 10/05/2019 | 8 | 10/01/2020 | 1.020.000.000 |
| LD1913051961 | 10/05/2019 | 8 | 10/01/2020 | 700.000.000 |

| | | | | |
|--------------|------------|-----|------------|-----------------------|
| LD1913714823 | 17/05/2019 | 8 | 17/01/2020 | 316.613.944 |
| LD191434***6 | 23/05/2019 | 8 | 23/01/2020 | 97.500.000 |
| LD1915700095 | 6/6/2019 | 8 | 6/2/2020 | 170.000.000 |
| LD1916228946 | 11/6/2019 | 8 | 11/2/2020 | 758.000.000 |
| LD1916565533 | 14/06/2019 | 8 | 14/02/2020 | 1.000.000.000 |
| LD1921090812 | 29/07/2019 | 8 | 19/03/2020 | 868.000.000 |
| LD1921*95041 | 06/08/2019 | 8 | 06/04/2020 | 1.800.000.000 |
| LD1*00811334 | 07/01/201* | 9.5 | 08/01/2021 | 2.020.000.000 |
| LD1901190120 | 11/1/2019 | 8 | 11/9/2019 | 48.300.000 |
| Tổng | | | | 40.101.409.4** |

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các chủ thể theo đúng quy định của pháp luật, nội dung và hình thức phù hợp với pháp luật. Các bên tự nguyện giao kết và thực hiện hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giao kết hợp đồng của mình. Tại thời điểm ký kết, các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện. Do Công ty cổ phần SS vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thương mại M (XX) khởi kiện yêu cầu thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng và 50 đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Cụ thể:

Dư nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm của Công ty cổ phần SS như sau: tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15.9.2022 là: 37.098.328.615 đồng; trong đó nợ gốc: 24.076.782.359 đồng và nợ lãi trong hạn: 1.258.504.425 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 11.763.041.831 đồng.

Nợ gốc và mức lãi suất, các bên đương sự đã xác nhận. Về số tiền lãi, Đối chiếu với bảng sao kê tính lãi ngày 15.9.2022 do Ngân hàng cung cấp thì lãi suất được tính điều chỉnh theo từng thời kỳ, phù hợp với lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng và các quy định của pháp luật.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ của Ngân hàng thương mại M đối với Công ty cổ phần SS.

[3]. Xét tính hợp pháp của biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự bằng hình thức thế chấp;

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng, giữa Ngân hàng thương mại M (XX) (bên nhận thế chấp), Công ty cổ phần SS (bên vay vốn và bên thế chấp) đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản. Quá trình thanh quyết toán hợp đồng, các bên cũng đã bàn giao một số tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, Ngân hàng thương mại M chỉ yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm là:

1. Xe tải tự đổ; nhãn hiệu xe: TMT, số loại KC9665D2; Biển số: 29C-7****; số chỗ ngồi 3, số máy: 0D0828G0****; số khung: 665DG2K00586; màu sơn: xanh- theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3833.17.068.208****.BĐ ngày 03.03.2017; số công chứng 01323.2017/HĐTC: Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03.3.2017 tại Văn phòng công chứng Đ.

2. Xe tải pickup cabin kép; nhãn hiệu xe: NISSAN, số loại NAVARA; Biển số: 29C- 7****; số chỗ ngồi 5, số máy: YD25642687T; số khung: 4D23Z0008134; màu sơn: trắng- theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3025.17.068.208****.BĐ ngày 03.03.2017; số công chứng 01324.2017/HĐTC: Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03.3.2017 tại Văn phòng công chứng Đ.

3. Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) của bên thế chấp từ việc thực hiện Gói thầu số 24: “Xây dựng 02 cống điều tiết nước kênh KT2 (Bờ phải và bờ trái); nâng cấp tuyến đường từ Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia đến H” thuộc dự án: “Bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia T đến năm 2020” theo Hợp đồng thi công xây dựng số 24BT/201*/HĐ-XDVQG ngày 19/09/201*;

4. Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 02: Xây dựng đường lâm nghiệp

thuộc dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh B theo hợp đồng thi công xây dựng số 86/2016/HĐ-XL ngày 21/09/2016

Quá trình Tòa án đã Thông báo yêu cầu Công ty Cổ phần SS và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến giao dịch bảo đảm mang chiếc xe là tài sản bảo đảm đến Trụ sở Ủy ban nhân dân phường M là nơi Công ty Cổ phần SS có địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên, tại phiên họp xem xét thẩm định tại chỗ, Công ty Cổ phần SS vắng mặt và không có cá nhân, tổ chức nào liên quan đến tài sản bảo đảm mang tài sản bảo đảm đến. Do đó, Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện việc ký giao dịch bảo đảm là hoàn toàn tự nguyện. Việc Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được không phải là căn cứ làm vô hiệu giao dịch bảo đảm.

Về tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ: Quyền đòi nợ chính là một tài sản được quy định tại Điều 163 [“Bộ luật dân sự 2015”](#). Chủ sở hữu quyền đòi nợ có quyền dùng quyền đòi nợ để thế chấp nhằm bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Việc thế chấp quyền đòi nợ và xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ được quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN. Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng thương mại M (XX) (bên nhận thế chấp), Công ty Cổ phần SS (bên thế chấp) là phù hợp với các quy định của pháp luật nên trường hợp Công ty Cổ phần SS vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại M (XX) có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ. Quyền đòi nợ cụ thể được xác định tại thời điểm thi hành án.

Đối với yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm còn lại, tại phiên tòa Ngân hàng thương mại M xin rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến nên cần đình chỉ đối với các yêu cầu này.

Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

[4] Về các vấn đề khác của vụ án: Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Công ty Cổ phần SS phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng thương mại M (XX), cụ thể:

Tổng số tiền phải thanh toán: **37.098.328.615 đồng** có án phí là 145.098.329 đồng.

Ngân hàng thương mại M (XX) không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, 35, 36, 39, 271, 272, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 317, 31*, 319 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư 12 ngày 14.4.2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm;

Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại M (XX) đối với Công ty Cổ phần SS.

2- Buộc Công ty Cổ phần SS phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại M theo Hợp đồng cấp tín dụng số 44373.1*.068.208****.TD ngày 10.12.201*; phụ lục hợp đồng số 44373.1*.068.208****.TD.PL ngày 31.5.2019 và các Khế ước nhận nợ, với tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15.9.2022 là: **37.098.328.615** đồng (ba mươi bảy tỷ không trăm chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm mười lăm đồng); trong đó nợ gốc: 24.076.782.359 đồng (hai mươi bốn tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn ba trăm năm mươi chín đồng); nợ lãi trong hạn: 1.258.504.425 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi tám triệu năm trăm linh bốn nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng); lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 11.763.041.831 đồng (mười một tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn tám trăm ba mươi một đồng).

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần SS tiếp tục phải trả nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; phụ lục hợp đồng tín dụng và cá khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ gốc cho Ngân hàng thương mại M (XX).

3. Xác định hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3833.17.068.208****.BD ngày 03.03.2017; số công chứng 01323.2017/HĐTC: Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03.3.2017 tại Văn phòng công chứng Đ; hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3025.17.068.208****.BD ngày 03.03.2017; số công chứng 01324.2017/HĐTC: Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03.3.2017 tại Văn phòng công chứng Đ; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 232898.1*.068.208****.BD ngày 25.9.201*; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 76283.16.068.208****.BD ngày 10.10.2016 giữa: Ngân hàng thương mại M (XX)- bên nhận thế chấp, Công ty Cổ phần SS - bên thế chấp là hợp pháp.

Trường hợp Công ty Cổ phần SS vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là:

01 Xe tải tự đổ; nhãn hiệu xe: TMT, số loại KC9665D2; Biển số: 29C-7****; số chỗ ngồi 3, số máy: 0D0828G0****; số khung: 665DG2K00586; màu

son: xanh- theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3833.17.068.208****.BĐ ngày 03.03.2017; số công chứng 01323.2017/HĐTC: Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03.3.2017 tại Văn phòng công chứng Đ.

01 Xe tải pickup cabin kép; nhãn hiệu xe: NISSAN, số loại NAVARA; Biển số: 29C- 7****; số chỗ ngồi 5, số máy: YD25642687T; số khung: 4D23Z0008134; màu sơn: trắng- theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3025.17.068.208****.BĐ ngày 03.03.2017; số công chứng 01324.2017/HĐTC: Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03.3.2017 tại Văn phòng công chứng Đ.

Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) của bên thế chấp từ việc thực hiện Gói thầu số 24: “Xây dựng 02 cống điều tiết nước kênh KT2 (Bờ phải và bờ trái); nâng cấp tuyến đường từ Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia đến H” thuộc dự án: “Bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia T đến năm 2020” theo Hợp đồng thi công xây dựng số 24BT/201*/HĐ-XDVQG ngày 19/09/201*. Quyền đòi nợ cụ thể được xác định tại thời điểm thi hành án.

Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 02: Xây dựng đường lâm nghiệp thuộc dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh B theo hợp đồng thi công xây dựng số 86/2016/HĐ-XL ngày 21/09/2016. Quyền đòi nợ cụ thể được xác định tại thời điểm thi hành án.

Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì Công ty Cổ phần SS phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm sau:

- Xe ô tô Prado biển số 30F – 0****;
- Xe ô tô Toyota biển số 30E-**7.82;
- Xe ô tô con biển số 43A-3****;

- Xe ô tô nhãn hiệu Nissan biển số 7****;

- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 21: “Xây dựng trụ sở Vườn Quốc gia H; Nhà hội trường; trung tâm giáo dục môi trường kết hợp nhà khách; Nhà ở tạm trú; Nhà ăn; xây dựng trụ sở hạt kiểm lâm; nhà bảo tàng động thực vật; nhà và sân luyện tập; trung tâm cứu hộ động vật hoang dã; chòi quan sát; Trung tâm giáo dục môi trường; hàng rào; giao thông nội bộ” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia H” theo hợp đồng thi công xây dựng số 21/2017/HĐ-XD ngày 08/09/2017;

- Toàn bộ quyền đòi toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành (nếu có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại từ việc thực hiện thi công dự án thủy lợi đa mục tiêu khắc phục thiên tai ngập úng vùng sản xuất màu 3 xã huyện S theo Hợp đồng thi công xây dựng số công trình 01/2017/HĐXD-BQL ngày 17/02/2017;

- Toàn bộ quyền đòi nợ đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai, bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác (nếu có) hình thành từ việc thi công gói thầu số 20: “Đường trục chính; cống hộp, bến cầu tàu, san lấp mặt bằng, kè kênh, kè hồ, bể nước dự trữ, hồ cảnh quan; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống điện ngoài nhà; hệ thống điện ba pha 250KVA” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia H” theo hợp đồng thi công xây dựng số 89/2016/HĐ-XD ngày 08/11/2016;

5. Về án phí: Công ty Cổ phần SS phải chịu 145.098.329 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi tám nghìn ba trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại M (XX) số tiền 73.109.178 đồng (bảy mươi ba triệu một trăm linh chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0007531 ngày 29.3.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố H.

6. Án xử công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)